

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/DS-ST
Ngày: 11-9-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Thái

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đình Hưng

2. Ông Hoàng Văn Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Đồng Nai: Ông Nguyễn Ngọc Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7- Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (tên viết tắt: H)

Trụ sở: B N, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường S, thành phố Hồ Chí Minh).

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T – chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Yên T1 – Chuyên viên QHKHCN (Giấy ủy quyền ngày 27/56/2024).

Địa chỉ: C, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

Bị đơn: Ông Trần Trọng P, sinh năm 1990 và bà Trần Thị T2, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai).

(Ông T1 có mặt, ông P và bà T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2024, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Yên T1 trình bày:

Ngân hàng TMCP P đã cho ông Trần Trọng P – bà Trần Thị T2 vay tín dụng với tổng số tiền 1.320.000.000đồng theo các hợp đồng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 33200/22MN/HĐTD ngày 10/8/2022 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 33200/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 23/8/2022 với số tiền vay là 1.200.000.000đồng; mục đích sử dụng vốn vay: cho vay BĐS- bù đắp mua thửa đất số 759, 755, 756, 758 tờ bản đồ 45 tại xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; thời hạn vay 240 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân lần đầu; ngày đến hạn 25/8/2042; lãi suất vay trong hạn 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân: 12%/năm; lãi suất vay trong hạn của các kỳ thay đổi lãi suất tiếp theo = Lãi suất LS13+4%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất tối thiểu.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên tại H1, ông P – bà T2 đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất 759, 755, 756, 758 tờ bản đồ 45 tại xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28632/22MN/HĐBĐ ngày 10/8/2022.

2. Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/ sản phẩm – dịch vụ ngày 31/8/2022; Tờ trình cấp thẻ tín dụng ngày 31/8/2022; Biên bản bàn giao thẻ cho khách hàng ngày 15/9/2022 với số tiền 120.000.000đồng; lãi suất cho vay trong hạn 27%/năm; lãi suất quá hạn 40.5%; lãi suất chậm trả lãi 10%/năm.

Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng nêu trên ông P – bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, nên Ngân hàng H1 chuyển qua nợ quá hạn từ ngày 27/11/2023.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Trần Trọng P – bà Trần Thị T2 phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H với tổng số tiền tính đến ngày 12/09/2025 là 1.626.825.274 đồng; cụ thể:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 33200/22MN/HĐTD số tiền nợ gốc là 1.129.999.856đồng, lãi trong hạn là 247.706.081đồng; lãi quá hạn là 18.513.740đồng; lãi chậm trả 22.997.536 đồng.

Đối với Thẻ tín dụng số TT/mã hồ sơ số L220831081432407 số tiền nợ gốc là 119.636.989đồng; lãi trong hạn là 26.669.435 đồng; lãi quá hạn là 58.010.829 đồng; lãi chậm trả là 3.193.026 đồng.

- Buộc ông Trần Trọng P – bà Trần Thị T2 phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H kể từ ngày 12/09/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

- Trường hợp ông Trần Trọng P – bà Trần Thị T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu thi hành án phát mãi các tài sản đã thế chấp cho H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28632/22MN/HĐBĐ ngày 10/08/2022 được ký kết giữa H với ông

Trần Trọng P – bà Trần Thị T2 được Công chứng tại Văn phòng C, tỉnh Đồng Nai ngày 10/08/2022. Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 10/08/2022 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cản trừ nghĩa vụ trả nợ của ông Trần Trọng P – bà Trần Thị T2 đối với Ngân hàng. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Trần Trọng P – bà Trần Thị T2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

- **Đối với bị đơn ông Trần Trọng P – bà Trần Thị T2:** Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn, giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông P – bà T2 đều vắng mặt không có lý do, cũng không nộp văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: yêu cầu khởi kiện thanh toán nợ trong hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP P là có căn cứ, nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

- Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải hoàn trả lại cho Ngân hàng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật.

- Về yêu cầu tính lãi: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự trong vụ án không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên không xem xét thời hiệu khởi kiện khi giải quyết vụ án theo Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 33200/22MN/HĐTD ngày 10/8/2022 và Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/ sản phẩm – dịch vụ ngày 31/8/2022 giữa Ngân hàng TMCP P và ông Trần Trọng P – bà Trần Thị T2 trú tại xã Đ, tỉnh Đồng Nai nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Nai theo Khoản 3 Điều 26, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về tư cách đương sự: Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu ông Trần Trọng P – bà Trần Thị T2 thanh toán số tiền vay theo hợp đồng tín dụng được hai bên ký kết. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định Ngân hàng TMCP P là nguyên đơn, ông P – bà T2 là bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc: Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu ông P – bà T2 trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với tổng số tiền gốc là 1.249.636.845 đồng và cung cấp chứng cứ chứng minh gồm Hợp đồng tín dụng số 33200/22MN/HĐTD ngày 10/8/2022 và Đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số 33200/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 238/2022; Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/ sản phẩm – dịch vụ ngày 31/8/2022; Tờ trình cấp thẻ tín dụng ngày 31/8/2022; Biên bản bàn giao thẻ cho khách hàng ngày 15/9/2022.

Bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn nhưng không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án theo quy định tại Điều 72, Khoản 2 Điều 91 và Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, thỏa thuận được ký kết giữa Ngân hàng TMCP P và ông Trần Trọng P, bà Trần Thị T2 là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định tại Điều 117 và Điều 119 Bộ luật dân sự và phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng 2010 nên có hiệu lực thi hành đối với các bên ký kết.

Ông P, bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 27/11/2023 nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P - bà T2 phải thanh toán số tiền nợ gốc 1.129.999.856 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 33200/22MN/HĐTD ngày 10/8/2022; buộc ông P phải thanh toán số tiền nợ gốc 119.636.989 đồng theo Thẻ tín dụng số TT/mã hồ sơ số L220831081432407 là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Theo Hợp đồng tín dụng số 33200/22MN/HĐTD ngày 10/8/2022 và Đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số 33200/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 238/2022 các bên thỏa thuận lãi suất vay trong hạn 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân: 12%/năm; lãi suất vay trong hạn của các kỳ thay đổi lãi suất tiếp theo = Lãi suất LS13+4%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất tối thiểu. Theo Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/ sản phẩm – dịch vụ ngày 31/8/2022; Tờ trình cấp thẻ tín dụng ngày 31/8/2022; Biên bản bàn giao thẻ cho khách hàng ngày 15/9/2022 các đương sự

thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn 27%/năm; lãi suất quá hạn 40.5%; lãi suất chậm trả lãi 10%/năm.

Xét thấy, mức lãi suất mà các bên thỏa thuận phù hợp Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng 2024 nên chấp nhận. Buộc ông P – bà T2 có nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền lãi, phí phát sinh đối với Hợp đồng tín dụng số 33200/22MN/HĐTD ngày 10/8/2022 cho Ngân hàng TMCP P tính đến ngày 11/9/2025 gồm: lãi trong hạn là 247.706.081 đồng; lãi quá hạn là 18.513.740 đồng; lãi chậm trả 22.997.536 đồng. Buộc ông P có nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền lãi, phí phát sinh đối với Thẻ tín dụng số TT/mã hồ sơ số L220831081432407 cho Ngân hàng TMCP P tính đến ngày 11/9/2025 gồm lãi trong hạn là 26.669.435 đồng; lãi quá hạn là 58.010.829 đồng; lãi chậm trả là 3.193.026 đồng.

Kể từ ngày 12/9/2025, ông P, bà T2 phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 473225 ngày 04/7/2023; Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/ sản phẩm – dịch vụ ngày 31/8/2022 và các văn bản tín dụng liên quan cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[2.3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Tài sản thế chấp để bảo đảm khoản vay của ông P – bà T2 tại H1 là quyền sử dụng đất thửa đất 759, 755, 756, 758 tờ bản đồ 45 tại xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28632/22MN/HĐBĐ ngày 10/8/2022.

Xét thấy, chủ thể, đối tượng và nội dung hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định tại Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 317, 318, 319 Bộ luật dân sự 2015 nên có hiệu lực. Căn cứ Điều 4 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28632/22MN/HĐBĐ ngày 10/8/2022 thì nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản thế chấp gồm toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp bao gồm nghĩa vụ trả nợ và các nghĩa vụ thanh toán khác đối với H1 (nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, phạt, các khoản phải trả, bồi thường khác theo Hợp đồng tín dụng số 33200/22MN/HĐTD; các hợp đồng tín dụng khác được ký kết giữa H1 và bên thế chấp.

Căn cứ Điều 319, 320, 321, 322, 323, 368 Bộ luật dân sự 2015, trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các văn bản tín dụng đã ký kết giữa các bên là phù hợp quy định pháp luật và có căn cứ chấp nhận.

Trường hợp số tiền thu được từ phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán toàn bộ số tiền nợ thì ông P – bà T2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP P cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P được chấp nhận nên ông P – bà T2 phải trả lại cho Ngân hàng TMCP H1 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*).

[4] Về án phí: ông P – bà T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí 26.625.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đồng Nai nhận định phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản Khoản 3 Điều 26, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, các điều 92, 147, 271, 273, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 119, 295, 299, 317, 319, 320, 321, 322, 323, 368, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P.

Buộc ông P – bà T2 có nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền lãi, phí phát sinh đối với Hợp đồng tín dụng số 33200/22MN/HĐTD ngày 10/8/2022 cho Ngân hàng TMCP P tính đến ngày 11/9/2025 gồm: lãi trong hạn là 247.706.081 đồng; lãi quá hạn là 18.513.740 đồng; lãi chậm trả 22.997.536 đồng.

Buộc ông P có nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền lãi, phí phát sinh đối với Thẻ tín dụng số TT/mã hồ sơ số L220831081432407 cho Ngân hàng TMCP P tính đến ngày 11/9/2025 gồm lãi trong hạn là 26.669.435 đồng; lãi quá hạn là 58.010.829 đồng; lãi chậm trả là 3.193.026 đồng.

Tổng cộng là: 1.626.825.274 đồng (Một tỷ sáu trăm hai mươi sáu triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn hai trăm bảy mươi bốn đồng).

Kể từ ngày 12/9/2025, ông P, bà T2 phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 473225 ngày 04/7/2023; Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/ sản phẩm – dịch vụ ngày 11/8/2022 và các văn bản tín dụng liên quan cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Xử lý tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất thửa đất 759, 755, 756, 758 tờ bản đồ 45 tại xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28632/22MN/HĐBĐ ngày 10/8/2022, được đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, ông P, bà T2 có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP P.

3. Về chi phí tố tụng: ông P – bà T2 phải trả lại cho Ngân hàng TMCP H1 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.000.000đồng (*Tám triệu đồng*).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 của Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: ông P – bà T2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là **60.804.000 đồng án phí DSST**.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí 26.625.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai số 0011647 ngày 04/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Đồng Nai).

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 7- Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 7- Đồng Nai;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Thái

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên
tòa**

Trần Quang Thuận

Hoàng Văn Đông

Phạm Thanh Thái

